

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18/05/2022

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bính

Ông Vũ Xuân Dự.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2021/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 6 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Minh Q – sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt..

- **Bị đơn:** Anh Phạm Xuân T – sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt..

Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Minh Q trình bày: Chị và anh Phạm Xuân T đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 05 năm 2004 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 8, xã Y. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng cứ nói chuyện, trao đổi với nhau là xảy ra cãi chửi nhau. Cuộc sống chung

không có hạnh phúc và cả hai không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó thời gian gần đây chị còn phát hiện việc anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không tiếp tục sống chung được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Xuân T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có ba con chung cháu Phạm Thùy D sinh ngày 29 tháng 01 năm 2005, cháu Phạm Trường G, sinh ngày 17 tháng 1 năm 2008 và cháu Phạm Hà V, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014. Hiện các cháu đang ở cùng với anh T. Tại đơn khởi kiện chị nhận nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 3.000.000đ/ tháng cho cả ba cháu. Tuy nhiên qua tham khảo ý kiến nguyện vọng của các con chị Q, anh T. Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30 tháng 3 năm 2022 chị Q nhận nuôi cháu Phạm Thùy D và đề nghị giao hai cháu Phạm Hà V và Phạm Trường G cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Xuân T hiện đang cư trú tại xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phạm Xuân T và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T thông qua ông Trương Quang T1 là xóm trưởng xóm 8 nơi anh T cư trú. Hiện anh T có biết việc chị Q khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Tuy nhiên tại phiên tòa anh T có mặt và trình bày: Anh và chị Trần Thị Minh Q đã tự nguyện kết hôn với nhau đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 05 năm 2004 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 8, xã Y. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm, chị Q đang có những mối quan hệ với người đàn ông khác và thường xuyên bỏ nhà ra đi, về nhà đòi ly hôn với anh. Mặc dù hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Đại diện chính quyền thôn xóm đã nhiều lần đến gặp gỡ hai bên vợ chồng để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng đồng thời động viên phân tích cả hai nhưng chị Q cương quyết xin ly hôn, về phía anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh không nhất trí ly hôn. Trong trường hợp chị Q cương quyết xin ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị Q có ba con chung cháu Phạm Thùy D sinh ngày 29 tháng 01 năm 2005, cháu Phạm Trường G, sinh ngày 17 tháng 1 năm 2008 và cháu Phạm Hà V, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014. Hiện các cháu đang ở cùng với anh T. Từ khi chị Q bỏ đi các cháu ở cùng với anh và anh là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Nay trong trường hợp vợ chồng ly hôn, vấn đề giao con sau khi ly

hôn anh tôn trọng theo nguyện vọng của các cháu và nhất trí giao cháu D cho chị Q nuôi dưỡng và giao cháu V, cháu G cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh Trường chưa thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên anh se cầu Tòa án xem xét giải quyết sau bằng một vụ án khác..

Con chung của anh chị là cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 29 tháng 1 năm 2005, cháu Phạm Trường G, sinh ngày 07/01/2008, cháu Phạm Hà V, sinh ngày 24/10/2014 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến, tại bản tự khai ngày 2 tháng 4 năm 2022 cháu D trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Cháu V và cháu G trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Minh Q ly hôn anh Phạm Xuân T.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Minh Q chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thùy D sinh ngày 29 tháng 01 năm 2005 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cho anh Phạm Xuân T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cháu Phạm Hà V sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 và cháu Phạm Trường G sinh ngày 17 tháng 1 năm 2008. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Trần Thị Minh Q nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Minh Q có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Xuân T có nơi cư trú tại: Xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Minh Q. Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh Q và anh Phạm Xuân T có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 05 năm 2004 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình Cả anh T và chị Q đều thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, cuộc sống luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi chửi nhau. Thậm trí cả hai anh chị đã luôn nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải nhưng không có kết quả. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh T có mặt tại địa phương biết rõ việc chị Q ly hôn anh nhưng anh không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này thể hiện anh Trường không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Tại phiên tòa hôm nay anh Trường cũng thừa nhận trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bản thân anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng để khắc phục mâu thuẫn và cũng không thể thuyết phục, động viên chị Q rút đơn tạo cơ hội cho vợ chồng về đoàn tụ. Trong trường hợp chị Q cương quyết ly hôn anh cũng chấp nhận nhưng mong muốn giải quyết rạch ròi về vấn đề tài sản và công nợ chung của vợ chồng, để cả hai không liên quan đến nhau nữa.

Biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở tại địa phương thể hiện: Chị Q và anh T có có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại xóm 8, xã Y được một thời gian thì cả hai tách ra ở riêng để làm ăn kinh tế. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do trong cuộc sống cả hai đã không tôn trọng nhau và không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Dẫn đến cả hai không có tiếng nói chung. Về phía chính quyền cơ sở tại địa phương cũng đã gặp gỡ trao đổi nghe tâm tư nguyện vọng của cả chị Q và anh T, đồng thời cũng đã tiến hành phân tích hòa giải động viên hai anh chị bỏ qua những khuyết điểm của nhau trong cuộc sống để về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Quá trình hòa giải tại cơ sở chị Q vẫn cương quyết giữ nguyên quan điểm được ly hôn với anh T. Nay chị Q cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã được gia đình hai bên và chính quyền thôn xóm hòa giải nhưng không đạt kết quả gì. Hiện anh chị cũng đã sống ly thân mỗi người một nơi và không có biện pháp nào để hàn gắn tình

cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có ba con chung cháu Phạm Thùy D sinh ngày 29 tháng 01 năm 2005, cháu Phạm Trường G, sinh ngày 17 tháng 1 năm 2008 và cháu Phạm Hà V, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014. Hiện cả ba con chung đang ở cùng với anh T. Nay ly hôn chị Q có nguyện vọng chăm sóc cháu D và đề nghị Tòa án giao hai cháu G và V cho anh Trường tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con chung.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án. Anh T không có quan điểm ý kiến về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Tại phiên tòa anh nhất trí tôn trọng nguyện vọng của các con khi bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên qua xem xét nguyện vọng của các con chị Q, anh T thì cháu D muốn ở với mẹ, Cháu G và cháu V muốn ở với bố. Thực tế thì hiện nay cả ba con chung đều đang ở với anh T. Thời gian chị Q bỏ đi một mình anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung và cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu. Nay để ổn định việc học tập, sinh hoạt cũng như không ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn, Tòa án giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 29 tháng 01 năm 2005 cho chị Q chăm sóc nuôi dưỡng và giao hai cháu Phạm Trường G, sinh ngày 17 tháng 1 năm 2008 và Phạm Hà V, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Như vậy là phù hợp với nguyện vọng của các cháu đồng thời cũng đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung chị Q không yêu cầu cấp dưỡng anh T không yêu cầu cấp dưỡng đối với các con khi ly hôn. Do vậy các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Minh Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Trần Thị Minh Q và anh Phạm Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thùy D sinh ngày 29 tháng 01 năm 2005 cho chị Trần Thị Minh Q chăm sóc nuôi dưỡng và giao hai cháu Phạm Trường G, sinh

ngày 17 tháng 1 năm 2008 và Phạm Hà V, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2014 cho anh Phạm Xuân T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Minh Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004476 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/5/2022). Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Q, huyện K,
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**